

# MỘT SỐ QUYỀN TÀI SẢN CỦA CÁC NHÓM DỄ BỊ TỔN THƯƠNG THEO PHÁP LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM – SO SÁNH CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

*Phan Thị Cẩm Lai*

Trường Đại học Đồng Nai

Email: phanngocan1008@gmail.com

(Ngày nhận bài: 24/9/2025, ngày nhận bài chỉnh sửa: 15/10/2025, ngày duyệt đăng: 2/4/2026)

## **TÓM TẮT**

*Quyền con người là quyền có giá trị phổ quát, song vẫn tồn tại các nhóm người trong xã hội có nguy cơ bị vi phạm quyền cao hơn do yếu tố thể chất hoặc hoàn cảnh kinh tế – xã hội, được gọi là nhóm dễ bị tổn thương (vulnerable groups). Cũng như các quyền cơ bản khác, quyền của nhóm này đã được ghi nhận trong hệ thống pháp luật quốc tế và Việt Nam, đặt ra yêu cầu Nhà nước và xã hội phải có cơ chế bảo vệ phù hợp. Trong đó, bảo vệ quyền tài sản giữ vai trò trọng yếu trong việc bảo đảm công bằng xã hội và hiện thực hóa quyền con người. Nghiên cứu này tập trung phân tích khung pháp lý hiện hành về quyền tài sản trong Bộ luật Dân sự 2015 và các luật chuyên ngành, đồng thời đối chiếu với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn áp dụng. Kết quả cho thấy mặc dù đã có những tiến bộ nhất định, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn tồn tại hạn chế, đặc biệt là về cơ chế giám hộ, sự thiếu thống nhất pháp lý và tính hiệu quả trong thực thi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương.*

**Từ khóa:** Các nhóm dễ bị tổn thương; pháp luật dân sự Việt Nam; quyền con người; quyền tài sản

## **1. Đặt vấn đề**

Quyền tài sản được coi là một trong những quyền cơ bản gắn liền với quyền con người, đảm bảo sự độc lập, nâng cao chất lượng sống và phát triển cá nhân (United Nations, 1948). Tuy nhiên, trong thực tiễn, các nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ và người dân tộc thiểu số phải đối mặt với nhiều rào cản khi thực thi quyền này. Tại Việt Nam, quá trình hội nhập quốc tế và biến đổi xã hội đặt ra những thách thức lớn đối với việc bảo vệ quyền tài sản cho họ. Dù pháp luật dân sự đã có các quy định bảo vệ, việc thực thi vẫn bộc lộ hạn chế như khung pháp lý chưa đầy đủ, sự bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế – văn hóa – xã hội. Do đó, nghiên

cứu vấn đề này vừa mang ý nghĩa lý luận trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật dân sự vừa có giá trị thực tiễn trong thúc đẩy công bằng xã hội và phát triển bền vững. Bài viết tập trung phân tích các quyền tài sản cơ bản của các nhóm dễ bị tổn thương, chỉ ra bất cập trong thực tiễn và đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ.

## **2. Tổng quan nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Tổng quan nghiên cứu**

Trong những năm qua, nghiên cứu về quyền của các nhóm dễ bị tổn thương ở Việt Nam đã thu hút sự quan tâm của nhiều học giả và tổ chức. Tuy nhiên, các công trình hiện có chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực riêng lẻ và nhóm đối tượng cụ thể như: quyền tài sản của phụ

nữ trong hôn nhân – gia đình (Nguyễn Thị Lan, 2014), quyền tài sản của người dân tộc thiểu số gắn với quyền sử dụng đất và các quyền kinh tế khác (Đỗ Thị Thơm, 2020; Lê Xuân Trình, 2015), hay vấn đề quyền thừa kế và trợ giúp xã hội của người cao tuổi (Nguyễn Phương Nhung, 2020). Nhìn chung, các nghiên cứu này mới chỉ tập trung vào phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số và người cao tuổi, trong khi những nhóm khác như trẻ em, người khuyết tật, người nghiện ma túy hoặc người mất năng lực hành vi chưa được phân tích toàn diện về quyền tài sản. Bên cạnh đó, phạm vi nghiên cứu vẫn thiên về quyền sở hữu, chưa chú trọng đầy đủ đến các quyền tài sản khác như quyền thừa kế, quyền đối với tài sản vô hình (quyền sở hữu trí tuệ) và các dạng quyền tài sản khác. Từ khoảng trống nghiên cứu này, bài báo tập trung làm rõ về quyền tài sản của nhiều nhóm dễ bị tổn thương hơn, không chỉ giới hạn ở phụ nữ và đồng bào dân tộc thiểu số mà còn bao gồm trẻ em, người cao tuổi và một số nhóm khác; phân tích các quyền tài sản dưới góc nhìn dân sự so với chuẩn mực quốc tế như Công ước CERD (United Nations, 1965) và Công ước CRPD (United Nations, 2006); tìm hiểu thực tiễn áp dụng, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật của Việt Nam.

## **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích – tổng hợp các văn bản pháp luật như Hiến pháp 2013, Bộ luật Dân sự 2015 và các luật chuyên ngành liên quan để làm rõ các quy định về quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương; tiếp cận so sánh với chuẩn mực quốc tế; phân tích một số vụ việc và tình huống thực tế để

minh họa cho những hạn chế trong việc thực thi pháp luật.

## **3. Nội dung nghiên cứu và thảo luận**

### **3.1. Các nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam**

Pháp luật Việt Nam hiện chưa có định nghĩa khái quát chung về các nhóm dễ bị tổn thương, song các văn bản trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành, nhóm dễ bị tổn thương được hiểu là những người có đặc điểm và hoàn cảnh đặc biệt khiến họ chịu nhiều tác động bất lợi, rủi ro hoặc thiệt hại nặng nề hơn so với các nhóm khác trong quan hệ xã hội – pháp lý (Quốc hội, 2023). Việc xác định nhóm này nhằm hướng tới bảo vệ các thành phần xã hội yếu thế, vốn hạn chế khả năng tự bảo vệ, tiếp cận thông tin, dịch vụ và nguồn lực. Các yếu tố dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương bao gồm sinh học, sức khỏe, giới tính, tuổi tác, dân tộc, điều kiện kinh tế – xã hội, hoặc hoàn cảnh pháp lý. Cụ thể, pháp luật liệt kê các đối tượng gồm: trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ mang thai/nuôi con nhỏ, người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, người nghèo, người mất năng lực hành vi, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn (Bộ Tư pháp, 2018). Nghiên cứu xã hội còn mở rộng phạm vi tới các nhóm như người nghiện ma túy, nạn nhân bạo lực gia đình, người nhiễm HIV/AIDS, lao động di cư... (UNESCO, 2015). Từ đó, có thể nhận diện sáu nhóm chính: (1) phụ nữ, đặc biệt ở khu vực nông thôn, khó tiếp cận quyền sử dụng đất, tín dụng, cơ hội việc làm; (2) trẻ em, do hạn chế khả năng tự bảo vệ; (3) người cao tuổi, dễ tổn thương về sức khỏe và phụ thuộc kinh tế; (4) người khuyết tật, cần hỗ trợ đặc thù; (5) người dân tộc thiểu số, gặp rào cản ngôn ngữ và pháp lý; (6) nhóm đặc thù khác như nạn nhân bạo lực,

người nghiện, lao động di cư, v.v... Như vậy, có thể khái quát rằng pháp luật Việt Nam xác định các nhóm dễ bị tổn thương dựa trên hai yếu tố: cá nhân (tuổi, giới, sức khỏe, dân tộc) và xã hội – kinh tế (mức sống, khả năng tiếp cận nguồn lực,

tình trạng pháp lí). Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng chính sách và cơ chế pháp lí nhằm bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ quyền tài sản cho họ một cách hiệu quả.

**Bảng 1: Phân loại tóm tắt nhóm dễ bị tổn thương theo pháp luật Việt Nam**

| Nhóm dễ bị tổn thương     | Đặc điểm                                                                                                   | Căn cứ pháp luật                                                                                                |
|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trẻ em                    | Chưa phát triển đầy đủ về thể chất, trí tuệ, chưa có khả năng tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình | Luật Trẻ em (Quốc hội, 2016)                                                                                    |
| Người khuyết tật          | Hạn chế về thể chất, tinh thần, gặp rào cản trong sinh hoạt, lao động và tiếp cận tài sản                  | Luật Người khuyết tật (Quốc hội, 2010)                                                                          |
| Người cao tuổi            | Sức khỏe suy giảm, phụ thuộc vào chăm sóc gia đình, xã hội.                                                | Luật Người cao tuổi (Quốc hội, 2009)                                                                            |
| Phụ nữ                    | Đặc trưng thể chất, dễ bị phân biệt đối xử trong lao động, tài sản trong quan hệ vợ – chồng.               | Luật Bình đẳng giới, (Quốc hội, 2006); Luật Hôn nhân và gia đình (Quốc hội, 2014)                               |
| Người dân tộc thiểu số    | Gặp rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, điều kiện sinh sống khó khăn.                                            | Điều 5, Điều 42 Hiến pháp (Quốc hội, 2013); Điều 16 Luật Đất đai (Quốc hội, 2024)                               |
| Nạn nhân bạo lực gia đình | Bị xâm hại về thể chất, tinh thần, hạn chế quyền tự do và quyền tài sản.                                   | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Quốc hội, 2022)                                                             |
| Người nhiễm HIV/AIDS      | Dễ bị kì thị, phân biệt đối xử, khó tiếp cận dịch vụ xã hội.                                               | Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (Quốc hội, 2020) |

### 3.2. Một số quyền tài sản cơ bản của các nhóm dễ bị tổn thương theo pháp luật dân sự Việt Nam

#### 3.2.1. Một số quyền tài sản cơ bản

Theo Bộ luật Dân sự 2015, quyền tài sản được hiểu là tổng thể những quyền và lợi ích hợp pháp có giá trị bằng tiền, gắn liền với tài sản và được pháp luật bảo hộ. Pháp luật dân sự công nhận và bảo vệ các quyền về tài sản cho mọi cá nhân,

bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương. Quyền tài sản bao gồm quyền sở hữu, quyền thừa kế và các quyền khác, cụ thể:

*Quyền sở hữu – quyền định đoạt tài sản:* pháp luật dân sự quy định bảo đảm mọi cá nhân, không phân biệt giới tính, tuổi tác, tình trạng sức khỏe hay dân tộc đều có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản hợp pháp (Điều 158 - 273, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015).

Tuy nhiên, đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi hoặc người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc định đoạt tài sản thường phải thông qua người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật. Quyền tài sản của trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ được Nhà nước bảo hộ thông qua việc hạn chế hành vi xâm phạm, cưỡng đoạt hoặc tước đoạt trái pháp luật (Luật Hôn nhân và gia đình, Quốc hội, 2014b; Luật Người khuyết tật, Quốc hội, 2010; Luật Người cao tuổi, Quốc hội, 2009).

*Quyền thừa kế:* pháp luật dân sự quy định quyền thừa kế một cách toàn diện, bảo đảm quyền lợi bình đẳng cho mọi công dân, không phân biệt nhóm đối tượng, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương (Điều 609 – 661, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Theo đó, mọi cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình cho người thừa kế (Điều 609, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Cơ chế giám hộ và đại diện bảo đảm cho người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự vẫn được thực hiện quyền tài sản thông qua người giám hộ hợp pháp (Điều 134 - 151, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Tóm lại, Bộ luật Dân sự 2015 khẳng định tính phổ quát của quyền thừa kế đối với mọi công dân, bảo vệ quyền tài sản một cách công bằng và minh bạch, là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc thúc đẩy công bằng xã hội và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mọi người, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương.

*Quyền tiếp cận, hưởng lợi từ tài sản công và trợ cấp xã hội:* Quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương còn bao gồm quyền được tiếp cận và hưởng lợi từ các chính sách công như trợ cấp xã hội, hỗ trợ y tế và giáo dục. Các luật chuyên ngành như Luật Bảo hiểm xã hội (Quốc hội, 2014), Luật Việc làm (Quốc hội,

2013), Luật Người cao tuổi (Quốc hội, 2009), Luật Người khuyết tật (Quốc hội, 2010) đã thiết lập hệ thống quyền tài sản dưới dạng trợ cấp, lương hưu, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Các nhóm yếu thế được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm hoặc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, qua đó bảo đảm quyền tiếp cận và hưởng lợi ích tài chính. Tuy nhiên, việc thực thi còn hạn chế do thủ tục hành chính phức tạp, gây khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ pháp lý và thực hiện quyền, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương thường thiếu khả năng tiếp cận thông tin pháp luật một cách đầy đủ và hiệu quả, chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, năng lực pháp lý để tự bảo vệ quyền lợi của mình, dẫn đến tình trạng vẫn bị xâm phạm, cưỡng đoạt hoặc tước đoạt tài sản một cách trái pháp luật (Nguyễn Văn Quyết & Phạm Anh Tuấn, 2012).

*Quyền về sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình:* Luật Sở hữu trí tuệ (Quốc hội, 2005, sửa đổi 2022) quy định rõ việc bảo hộ quyền tác giả, sáng chế, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý nhằm khuyến khích sáng tạo và bảo vệ sản phẩm truyền thống. Đặc biệt, Luật này cũng quan tâm đến các nhóm yếu thế như người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và cá nhân sáng tạo thuộc nhóm dễ bị tổn thương, với quy định hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho họ. Cụ thể như người khuyết tật có thể thông qua người đại diện theo pháp luật để thực hiện các thủ tục đăng ký bảo hộ quyền tác giả và các quyền liên quan. Bên cạnh đó, các sản phẩm truyền thống gắn liền với cộng đồng dân tộc thiểu số được bảo hộ thông qua quy định về chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể, nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa và tạo giá trị kinh tế, góp phần cho sự phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

Như vậy, pháp luật Việt Nam hiện hành nói chung, pháp luật dân sự nói

riêng đã có nhiều chế định nhằm bảo vệ quyền tài sản của nhóm dễ bị tổn thương với cơ chế đặc biệt, góp phần đảm bảo công bằng xã hội và quyền con người trong thực tiễn (Quốc hội, 2025; Bộ Tư pháp, 2018).

**3.2.2 Quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương**

Pháp luật Việt Nam khẳng định và bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương, song thực tiễn vẫn còn nhiều rào cản. Phụ nữ được pháp luật bảo đảm quyền sở hữu, định đoạt và thừa kế tài sản bình đẳng (Điều 33, 35, 43, Luật Hôn nhân và gia đình, Quốc hội, 2014b; Điều 609, 610, 651, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015) nhưng tập quán và định kiến giới hạn chế hiệu quả thực thi. Người dân tộc thiểu số có quyền sở hữu, thừa kế bình đẳng (Điều 158, 651, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015) và được hỗ trợ thông qua chính sách tín dụng, trợ giúp pháp lí, bảo hộ tài sản văn hóa vô hình (Luật Di sản văn hóa, Quốc hội, 2001; Luật Sở hữu trí tuệ, Quốc hội, 2005, sửa đổi 2022; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP, Chính phủ, 2022) nhưng việc thực thi bị ảnh hưởng bởi nghèo đói, di cư và sự mai một bản sắc. Trẻ em được bảo vệ quyền tài sản qua cơ chế “thừa kế bắt buộc” (Điều 644, Điều 612, Bộ luật Dân sự,

Quốc hội, 2015), chế định giám hộ và sự phê chuẩn của cơ quan có thẩm quyền khi giao dịch tài sản lớn (Điều 21, Điều 136, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Người khuyết tật được bảo đảm quyền tham gia bình đẳng vào giao dịch dân sự (Điều 4, Luật Người khuyết tật, Quốc hội, 2010; Điều 19, Điều 22, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015) và có cơ chế giám hộ bảo vệ khỏi lạm dụng tài sản (Điều 59 - 62, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Người cao tuổi có quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản, được hưởng và để lại thừa kế, đồng thời được củng cố quyền tài sản thông qua chính sách an sinh xã hội và phòng chống bạo hành tài chính (Điều 3, Luật Người cao tuổi, Quốc hội, 2009; Điều 115, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015; Luật Bảo hiểm xã hội, Quốc hội, 2014a; Nghị định số 58/2019/NĐ-CP, Chính phủ, 2019). Ngoài ra, các nhóm đặc thù khác như người mất năng lực hành vi dân sự cũng được bảo hộ quyền tài sản thông qua cơ chế giám hộ và trợ giúp xã hội (Điều 134–151, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Tuy nhiên, các quy định còn mang tính khái quát, thiếu cơ chế đặc thù, đòi hỏi phải có giải pháp hoàn thiện pháp luật và hỗ trợ xã hội để bảo đảm hiệu quả trong thực thi.

**Bảng 2: Quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam**

| Nhóm đối tượng                | Quyền tài sản được bảo hộ                                               | Căn cứ pháp luật                                                                                           | Hạn chế trong thực tiễn                                   |
|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>Phụ nữ</b>                 | Quyền sở hữu, định đoạt tài sản chung và riêng; quyền thừa kế bình đẳng | Hiến pháp 2013; Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 609, 610, 651); Luật Hôn nhân và gia đình 2014 (Điều 33, 35, 43) | Tập quán, định kiến giới làm giảm khả năng thực thi quyền |
| <b>Người dân tộc thiểu số</b> | Quyền sở hữu, thừa kế; quyền tiếp cận tín dụng, trợ giúp                | Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 158, 651); Luật Di sản văn hóa 2001; Luật                                        | Nghèo đói, di cư, khai thác tài nguyên, mai một           |

| Nhóm đối tượng                                                    | Quyền tài sản được bảo hộ                                                                                            | Căn cứ pháp luật                                                                                              | Hạn chế trong thực tiễn                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                   | pháp lí; bảo hộ tài sản văn hóa vô hình                                                                              | Sở hữu trí tuệ 2005; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP                                                               | bản sắc cản trở bảo vệ quyền                                                              |
| <b>Trẻ em</b>                                                     | Quyền thừa kế (thừa kế bắt buộc); quyền sở hữu và quản lí tài sản thông qua đại diện/giám hộ                         | Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 21, 136, 612, 644)                                                                  | Phụ thuộc vào đại diện pháp lí; hạn chế năng lực trong giao dịch tài sản lớn              |
| <b>Người khuyết tật</b>                                           | Quyền sở hữu, quản lí, thừa kế tài sản; tham gia bình đẳng giao dịch dân sự; bảo vệ khỏi lạm dụng qua cơ chế giám hộ | Luật Người khuyết tật 2010 (Điều 4); Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 19, 22, 59–62)                                 | Thiếu hỗ trợ thực tiễn; nguy cơ lạm dụng trong quản lí tài sản                            |
| <b>Người cao tuổi</b>                                             | Quyền sở hữu tài sản; quyền thừa kế; bảo vệ tài sản thông qua an sinh xã hội và chống bạo hành tài chính             | Luật Người cao tuổi 2009 (Điều 3); Bộ luật Dân sự 2015; Luật Bảo hiểm xã hội 2014; Nghị định số 58/2019/NĐ-CP | Phụ thuộc kinh tế, dễ bị lạm dụng tài chính và bạo hành                                   |
| <b>Người người mất năng lực hành vi dân sự, nhóm yếu thế khác</b> | Quyền sở hữu, thừa kế; bảo hộ tài sản thông qua cơ chế giám hộ và trợ giúp xã hội                                    | Bộ luật Dân sự 2015 (Điều 134–151).                                                                           | Quy định còn chung chung; thiếu cơ chế đặc thù bảo vệ; nguy cơ xâm phạm quyền tài sản cao |

### 3.2.3. So sánh quy định của pháp luật dân sự Việt Nam với tiêu chuẩn CERD và CRPD về bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương

Về bảo vệ quyền tài sản theo Công ước CERD (Công ước Quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc): Công ước CERD (United Nations, 1965) yêu cầu loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử về chủng tộc, trong đó có quyền sở hữu và sử dụng tài sản (Điều 5). Pháp luật Việt Nam, thông qua Hiến pháp 2013 và Bộ luật Dân sự 2015, đã khẳng định quyền bình đẳng trong tiếp cận và

thụ hưởng tài sản, đồng thời ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn chưa công nhận đầy đủ quyền sở hữu tập thể và tập quán quản lí tài sản truyền thống như khuyến nghị của CERD. Cơ chế thi hành vẫn gặp khó khăn do rào cản kinh tế, xã hội và năng lực quản lí.

Về bảo vệ quyền tài sản theo Công ước CRPD (Công ước về Quyền của Người Khuyết tật): Công ước CRPD (United Nations, 2006) quy định người khuyết tật có quyền sở hữu, quản lí và thừa kế tài sản bình đẳng như mọi công

dân (Điều 12, 28). CRPD đề cao việc xóa bỏ rào cản pháp lí và xã hội, đảm bảo người khuyết tật có khả năng thực thi quyền tài sản một cách độc lập, bằng cách cung cấp các hỗ trợ phù hợp như trợ giúp pháp lí, quyền tiếp cận tài chính, thủ tục đơn giản và năng lực hành vi được bảo vệ. Việt Nam đã nội luật hóa các nội dung đó thông qua Luật Người khuyết tật 2010, Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Trợ

giúp pháp lí 2017, bảo đảm quyền đại diện, trợ giúp pháp lí và tiếp cận dịch vụ tài chính. Tuy vậy, thực tiễn vẫn tồn tại rào cản xã hội, định kiến và hạn chế năng lực khiến việc thực thi quyền tài sản chưa đạt hiệu quả như tinh thần CRPD. Bảng 3 thể hiện sự so sánh về bảo vệ quyền tài sản của nhóm dễ bị tổn thương theo pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế.

**Bảng 3:** So sánh về bảo vệ quyền tài sản của nhóm dễ bị tổn thương theo pháp luật Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế

| Nội dung                            | Pháp luật Việt Nam                                                                                                                                                                                                         | CERD                                                                                       | CRPD                                                                                                                          | Đánh giá tổng hợp                                                                                                                                                                      |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khái niệm các nhóm dễ bị tổn thương | Phạm vi rộng, chưa có định nghĩa pháp lí đồng bộ; bao gồm trẻ em, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ mang thai, người cao tuổi, v.v... (Hiến pháp 2013, Điều 16, 26; Luật Trẻ em 2016; Luật Người khuyết tật 2010) | Tập trung loại bỏ phân biệt chủng tộc, bảo vệ toàn diện dân tộc thiểu số (CERD, Điều 1, 2) | Định nghĩa rõ người khuyết tật theo tương tác với rào cản xã hội, cách tiếp cận nhân quyền (CRPD, Điều 1, 2)                  | Việt Nam có phạm vi rộng nhưng thiếu định nghĩa đồng bộ; CERD và CRPD nhấn mạnh yếu tố phân biệt đối xử và rào cản xã hội.                                                             |
| Quyền tài sản và tập quán           | Công nhận quyền sở hữu cá nhân, thừa kế; hạn chế công nhận quyền tập quán dân tộc thiểu số (Hiến pháp 2013, Điều 32, 53; Bộ luật Dân sự 2015, Điều 158, 273; Luật Đất đai 2024, Điều 16)                                   | Yêu cầu loại bỏ phân biệt trong tiếp cận, sở hữu, thừa kế tài sản (CERD, Điều 5(c))        | Đảm bảo quyền sở hữu, quản lí, thừa kế tài sản của người khuyết tật, được hỗ trợ để thực thi bình đẳng (CRPD, Điều 12(5), 28) | Việt Nam ghi nhận quyền tài sản nhưng hạn chế trong công nhận tập quán cộng đồng (đặc biệt với dân tộc thiểu số); CRPD nhấn mạnh quyền tự chủ; CERD yêu cầu công nhận nghiêm ngặt hơn. |

| <b>Nội dung</b>                      | <b>Pháp luật Việt Nam</b>                                                                                                                                                                    | <b>CERD</b>                                                                                          | <b>CRPD</b>                                                                                                                                           | <b>Đánh giá tổng hợp</b>                                                                                                                                           |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chính sách hỗ trợ và loại bỏ rào cản | Có chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí, tín dụng ưu đãi, an sinh xã hội; rào cản vật lý, xã hội chưa được loại bỏ triệt để (Hiến pháp 2013, Điều 32, 53; Bộ luật Dân sự 2015, Điều 158–273) | Yêu cầu biện pháp tích cực, lấy ý kiến cộng đồng dân tộc thiểu số trong chính sách (CERD, Điều 5(c)) | Nhấn mạnh loại bỏ rào cản vật lý, xã hội, pháp luật; hỗ trợ để người khuyết tật thực thi quyền tự chủ (CRPD, Điều 12(5), 28)                          | Việt Nam có hệ thống chính sách, cơ chế hỗ trợ nhưng hiệu quả thực thi hạn chế. Các chuẩn mực quốc tế yêu cầu biện pháp mạnh hơn, loại bỏ triệt để rào cản xã hội. |
| Chế tài và cơ chế thực thi           | Có Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Trợ giúp pháp lý; chế tài nhẹ, giám sát thiếu đồng bộ (Bộ luật hình sự 2015; Luật Khiếu nại 2011; Luật Tổ cáo 2018)                   | Quốc gia phải thiết lập biện pháp bảo vệ hữu hiệu, xử lý phân biệt đối xử nghiêm (CERD, Điều 6)      | Yêu cầu cơ quan giám sát độc lập bảo đảm thực thi quyền và chế tài hiệu quả (CRPD, Điều 33)                                                           | Việt Nam có nền tảng pháp lý nhưng hiệu quả thực thi thấp; Các chuẩn mực quốc tế yêu cầu cơ chế giám sát mạnh hơn và độc lập.                                      |
| Quyền tham gia và tự quyết           | Nhấn mạnh mô hình “bảo hộ – đại diện” nên quyền tham gia của dân tộc thiểu số và người khuyết tật còn hạn chế (Hiến pháp 2013, Điều 25, 27; Bộ luật Dân sự 2015, Điều 136–147)               | Nhấn mạnh quyền tham gia và phát triển bình đẳng của dân tộc thiểu số (CERD, Điều 5)                 | Đề cao quyền tự quyết, tự chủ của người khuyết tật trong đời sống chính trị, xã hội, chỉ sử dụng “giám hộ” khi thật cần thiết (CRPD, Điều 12, 19, 29) | Việt Nam vẫn nhấn mạnh về “bảo hộ – đại diện”, trong khi Các chuẩn mực quốc tế đề cao “tự quyết – tự chủ”.                                                         |

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã tiệm cận chuẩn mực quốc tế, đặc biệt ở việc bảo vệ quyền tài sản cho dân tộc thiểu số và người khuyết tật. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế ở một số khía cạnh như thiếu định nghĩa pháp lý thống nhất về

“nhóm dễ bị tổn thương”; chưa công nhận đầy đủ quyền tài sản dựa trên tập quán cộng đồng của dân tộc thiểu số; cơ chế bảo đảm quyền tự quyết và tự chủ của người khuyết tật vẫn thiên về giám hộ; thiếu cơ quan giám sát độc lập và chế



tài xử lý việc phân biệt đối xử chưa đủ tính răn đe. Do đó để phù hợp hơn với CERD và CRPD, Việt Nam cần ban hành khái niệm pháp lý đồng bộ, mở rộng công nhận quyền tập quán, chuyển từ mô hình “bảo hộ – đại diện” sang “tự chủ – hỗ trợ”, và tăng cường cơ chế giám sát độc lập.

### **3.3. Thực trạng pháp lý và thực tiễn áp dụng**

#### **3.3.1. Ưu điểm và hạn chế của pháp luật dân sự hiện hành**

Quyền tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật Việt Nam ghi nhận, góp phần quan trọng trong việc bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của mọi chủ thể. Tuy nhiên, các nhóm dễ bị tổn thương thường gặp nhiều rào cản trong việc tiếp cận và thực thi quyền này do điều kiện kinh tế, xã hội và thể chất. Vì vậy, việc phân tích ưu điểm, hạn chế của pháp luật dân sự hiện hành và thực tiễn áp dụng là cần thiết để định hướng hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm này.

Bộ luật Dân sự hiện hành đã quy định khá toàn diện về quyền tài sản, bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ và các quyền khác (Điều 115, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Nguyên tắc bình đẳng trong tiếp cận quyền tài sản được khẳng định, đảm bảo không phân biệt đối xử dựa trên giới tính, sức khỏe hay hoàn cảnh xã hội (Điều 3, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015). Bên cạnh đó, cơ chế “thừa kế bắt buộc” (Điều 644, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015) bảo đảm quyền lợi tối thiểu cho những đối tượng đặc biệt như con chưa thành niên, cha mẹ già yếu, vợ/chồng, thể hiện tính nhân văn của pháp luật dân sự. Ngoài ra, cơ chế đại diện và trợ giúp pháp lý được quy định rõ ràng, cho phép trẻ em, người mất năng lực hành vi dân sự, người nghèo, người

khuyết tật tiếp cận công lý. Luật Trợ giúp pháp lý (Quốc hội, 2017) cùng với các luật chuyên ngành khác như Luật Trẻ em (Quốc hội, 2016), Luật Người cao tuổi (Quốc hội, 2009), Luật Người khuyết tật (Quốc hội, 2010), Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Quốc hội, 2022) đã tạo khung pháp lý quan trọng nhằm bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương. Đặc biệt, Nghị quyết số 205/2025/QH15 (Quốc hội, 2025) về thí điểm trao quyền cho Viện Kiểm sát khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền lợi của nhóm này cho thấy bước tiến mới trong bảo đảm cơ chế bảo vệ pháp lý chủ động.

Bên cạnh những điểm tích cực trong các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương, vẫn còn nhiều hạn chế về tính đồng bộ, cơ chế thực thi và chi tiết quy định cần được khắc phục, cụ thể: (1) nguyên tắc bình đẳng chưa đi kèm với quy định hỗ trợ đặc thù để các nhóm yếu thế dễ dàng tiếp cận và bảo vệ quyền tài sản; (2) Bộ luật Dân sự 2015 quy định về “người thừa kế không phụ thuộc nội dung di chúc” chỉ tập trung vào nhóm đối tượng là con chưa thành niên, cha mẹ, vợ/chồng, con thành niên không có khả năng lao động, các nhóm khác như người khuyết tật trưởng thành, người cao tuổi nhưng vẫn có năng lực hành vi chưa được pháp luật quan tâm đúng mức; (3) pháp luật dân sự chủ yếu yêu cầu cá nhân tự bảo vệ quyền lợi (Điều 5, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015), thiếu cơ chế giám sát, can thiệp chủ động từ Nhà nước hay tổ chức xã hội, gây bất lợi cho nhóm yếu thế thiếu hiểu biết và nguồn lực; (4) chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền tài sản của nhóm này còn yếu, thiếu tính răn đe, khiến hiệu quả bảo vệ pháp lý chưa cao.

Từ những phân tích trên, có thể thấy, pháp luật dân sự Việt Nam đã bước đầu xây dựng cơ chế bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, tính khả thi và hiệu quả áp dụng vẫn còn hạn chế, đặc biệt ở khía cạnh bảo vệ chủ động, sự đồng bộ pháp luật và chế tài xử lý.

### 3.3.2. Thực tiễn áp dụng pháp luật và các khó khăn trong bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương

Mặc dù đã đạt được những thành tựu nhất định nhưng trong thực tiễn việc bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương vẫn còn nhiều bất cập, phân theo từng nhóm đối tượng như sau:

*Phụ nữ*: trong nhiều trường hợp, phụ nữ (đặc biệt ở nông thôn, miền núi) chưa có đầy đủ quyền quyết định trong giao dịch về tài sản. Thực tiễn cho thấy, nhiều giao dịch dân sự, đặc biệt là chuyển nhượng đất đai, tín dụng, vẫn thường do nam giới đứng tên và thực hiện, khiến phụ nữ khó bảo vệ quyền lợi nếu xảy ra tranh chấp. Việc áp dụng cơ chế bảo đảm bằng thế chấp, cầm cố đôi khi bị hạn chế bởi quan niệm “tài sản của gia đình thuộc về người chồng” (Bộ Tư pháp, 2018; Thu Hằng, 2025).

*Người dân tộc thiểu số*: Do hạn chế về ngôn ngữ, trình độ pháp lý, nhiều người không nắm rõ quyền và nghĩa vụ trong giao dịch. Việc kí kết hợp đồng, đặc biệt liên quan đến đất đai, nhiều khi thiếu minh bạch, dẫn đến tình trạng bị lợi dụng, mua bán tài sản với giá thấp hoặc tranh chấp kéo dài. Khả năng tiếp cận các cơ chế tố tụng như trọng tài, tòa án còn hạn chế, chủ yếu phải dựa vào cơ chế hòa giải tại cộng đồng (Bộ Tư pháp, 2018).

*Trẻ em*: do chưa đủ năng lực hành vi dân sự nên quyền tài sản được thực hiện thông qua cha mẹ hoặc người giám hộ. Trong thực tiễn, vẫn có trường hợp cha

mẹ lạm dụng quyền đại diện để định đoạt tài sản của con (bán đất, sử dụng tiền bồi thường...), gây thiệt hại cho quyền lợi của trẻ. Dù pháp luật cho phép giám sát việc quản lí tài sản nhưng cơ chế kiểm tra, giám sát trên thực tế chưa hiệu quả.

*Người khuyết tật*: Khi tham gia giao dịch dân sự, người khuyết tật có thể gặp khó khăn trong giao tiếp, di chuyển, tiếp cận thông tin. Nhiều hợp đồng không được soạn thảo theo hình thức dễ hiểu, dễ tiếp cận (ví dụ: hợp đồng không có chữ nổi cho người khiếm thị). Cơ chế bảo vệ quyền tài sản qua trọng tài, tòa án còn hạn chế do chi phí, thủ tục phức tạp.

*Người cao tuổi*: Người cao tuổi thường bị phụ thuộc vào người thân trong quản lí và định đoạt tài sản. Tranh chấp về thừa kế khá phổ biến, nhiều khi người cao tuổi bị ép buộc lập di chúc hoặc định đoạt tài sản trái ý muốn. Việc tiếp cận cơ chế giải quyết tranh chấp bị hạn chế bởi tuổi tác, sức khỏe và điều kiện tài chính (Bộ Tư pháp, 2023).

*Các nhóm yếu thế khác*: Nhóm này dễ gặp khó khăn khi tiếp cận tín dụng, giao dịch vay vốn do thiếu tài sản bảo đảm và định kiến xã hội. Người hạn chế năng lực hành vi dân sự nhiều khi bị chiếm đoạt hoặc hạn chế quyền sử dụng tài sản trong gia đình. Người nghiện ma túy dễ bị loại trừ khỏi các giao dịch dân sự chính thức, dẫn đến nguy cơ mất quyền bảo vệ hợp pháp đối với tài sản.

Nhìn chung, mặc dù pháp luật Việt Nam đã có cơ chế bảo vệ quyền tài sản trong giao dịch dân sự nhưng việc áp dụng thực tế đối với các nhóm dễ bị tổn thương chưa đồng đều, còn nhiều bất cập do rào cản pháp lý, văn hóa – xã hội và kinh tế, có thể phân thành các nguyên nhân sau: (i) có khoảng cách nhất định giữa pháp luật và thực tiễn: quy định

pháp luật mang tính nguyên tắc nhưng thiếu cơ chế giám sát và thực thi hiệu quả. Thủ tục pháp lí còn phức tạp, khó tiếp cận đối với người nghèo, người ít học, người dân tộc thiểu số. Nhiều người trong nhóm dễ bị tổn thương chưa nhận thức đầy đủ về quyền và cách thức bảo vệ quyền tài sản của mình, dẫn đến việc không biết cách khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện khi quyền lợi bị xâm phạm (Thu Hằng, 2025); (ii) thiếu cơ chế đặc thù: nguyên tắc bình đẳng chưa gắn với biện pháp hỗ trợ đặc biệt cho nhóm yếu thế, ví dụ: thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đồng bào dân tộc thiểu số, cơ chế bảo đảm quyền tài sản của người cao tuổi có năng lực hành vi nhưng bị phụ thuộc kinh tế; (iii) Các yếu tố thuộc rào cản kinh tế – xã hội: phần lớn các nhóm yếu thế không có đủ nguồn lực tài chính để tham gia giao dịch, khởi kiện hay bào chữa. Người khuyết tật, phụ nữ đơn thân, người cao tuổi thường phụ thuộc kinh tế vào người khác, làm giảm khả năng độc lập trong bảo vệ quyền lợi của họ; (iv) định kiến và tập quán xã hội: “tài sản thuộc về nam giới” là một quan niệm vẫn phổ biến ở nhiều vùng, đặc biệt trong quan hệ đất đai và tín dụng, làm phụ nữ dễ bị thiệt thòi. Đồng bào dân tộc thiểu số còn nặng về tập quán, ít coi trọng hình thức pháp lí, dễ bị lợi dụng trong giao dịch (Bộ Tư pháp, 2018); và cuối cùng các nhóm dễ bị tổn thương thường khó khăn trong tiếp cận cơ quan bảo vệ pháp luật do hệ thống tòa án, trọng tài, thi hành án chưa bao phủ rộng khắp, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, hoạt động trợ giúp pháp lí còn hạn chế về nguồn lực, phạm vi và hiệu quả (Bộ Tư pháp, 2018).

Tóm lại, bảo vệ quyền tài sản cho nhóm dễ bị tổn thương ở Việt Nam đã

được chú trọng qua nhiều văn bản pháp luật và chính sách, tuy nhiên đòi hỏi cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo vệ, nâng cao nhận thức và năng lực trợ giúp pháp lí, đồng thời mở rộng và tăng cường hiệu quả các mô hình can thiệp để đảm bảo quyền lợi thực chất cho nhóm này.

#### **3.4. Thực tiễn xét xử và án lệ liên quan**

Từ năm 2020 đến nay, các vụ việc liên quan đến quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương được xét xử tại Việt Nam nhưng chủ yếu nằm trong cơ chế thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự và lợi ích công; tỉ lệ số vụ rất thấp, chỉ khoảng 86 vụ việc trong tổng hơn 5,5 triệu vụ việc dân sự từ năm 2005 đến cuối 2023, chiếm tỉ lệ rất nhỏ (0,0016%) (Đỗ Mến, 2025). Dưới đây là phân tích một số vụ việc và án lệ liên quan nhằm làm rõ thực tiễn xét xử và áp dụng pháp luật trong việc bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ tổn thương:

Đầu tiên là Án lệ số 67/2023/AL (Tòa án nhân dân tối cao, 2023) xuất phát từ tranh chấp quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn Thị Đ (người cao tuổi) và anh Phạm Ngọc H (cháu trai). Do tài sản chung không thể chia hiện vật, Tòa án giao toàn bộ nhà đất cho cụ Đ và yêu cầu cụ thanh toán giá trị phần còn lại cho anh H. Vụ án cho thấy pháp luật (Điều 219, Bộ luật dân sự, Quốc hội, 2015) bảo đảm quyền lợi các đồng sở hữu nhưng vẫn còn hạn chế khi thiếu tiêu chí cụ thể để bảo vệ người cao tuổi – nhóm yếu thế trong xã hội. Quyết định của Tòa án nhấn mạnh nguyên tắc nhân đạo và khả thi trong xét xử, song việc đánh giá hoàn cảnh khách quan vẫn mang tính chủ quan. Tương tự, bản án số 23/2024/NHGD-ST (Toà án nhân dân quận Cẩm Lệ, 2024) cho thấy khó khăn

trong bảo vệ quyền lợi phụ nữ khi li hôn. Trong vụ việc, Tòa án trong phân chia tài sản chung, không chia đều 50/50 mà người vợ là bà Nguyễn T. H. T chỉ được chia 30% tài sản so với 70% của chồng. Tòa án dựa trên công sức đóng góp nhưng chưa có cơ chế pháp lý rõ ràng để lượng hóa đóng góp vô hình như công việc nội trợ và chăm sóc con cái. Điều này khiến phụ nữ dễ gặp bất lợi trong việc chứng minh và bảo vệ quyền lợi tài sản. Một trường hợp khác liên quan đến người mất năng lực hành vi dân sự tại Đắk Lắk cho thấy lỗ hổng pháp lý về giám hộ. Ông Đ, bị bệnh tâm thần, có tài sản do cha tặng cho nhưng em trai (người giám hộ) đã lợi dụng chuyển nhượng đất trái pháp luật để chiếm đoạt. Việc thiếu cơ chế kiểm soát quyền hạn của người giám hộ và biện pháp bảo vệ kịp thời quyền tài sản đã khiến quyền lợi của ông Đ bị xâm hại nghiêm trọng (Điều 47, Điều 59, Bộ luật Dân sự, Quốc hội, 2015; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2024).

Từ đó có thể thấy, việc bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương còn nhiều bất cập do pháp luật hiện hành thiếu tiêu chí cụ thể, cơ chế kiểm soát và hướng dẫn rõ ràng, dẫn đến việc giải quyết tranh chấp phụ thuộc nhiều vào sự cân nhắc chủ quan của Tòa án. Điều này đòi hỏi sự hoàn thiện pháp luật theo hướng cụ thể hóa tiêu chí bảo vệ, tăng cường cơ chế giám sát và bảo đảm công bằng thực chất cho các nhóm yếu thế.

#### **4. Kết luận và kiến nghị**

Nghiên cứu cho thấy, quyền tài sản là một trong những quyền cơ bản của con người, gắn trực tiếp với đời sống kinh tế, xã hội và sự phát triển bền vững. Đối với các nhóm dễ bị tổn thương, việc bảo vệ quyền tài sản có ý nghĩa đặc biệt quan

trọng, góp phần thu hẹp bất bình đẳng xã hội, thúc đẩy bình đẳng giới, công bằng giữa các thế hệ, bảo tồn giá trị văn hóa cộng đồng và củng cố niềm tin vào pháp luật. Việc bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương là một nội dung thiết yếu góp phần hiện thực hóa quyền con người và công bằng xã hội. Hệ thống pháp luật Việt Nam đã có những bước phát triển tích cực qua việc hoàn thiện các quy định về quyền tài sản trong Bộ luật Dân sự, các luật chuyên ngành như quy định về quyền sở hữu, quyền thừa kế, quyền sử dụng đất, bảo vệ tài sản văn hóa – tri thức bản địa và chính sách trợ giúp pháp lý. Theo đó, pháp luật đảm bảo quyền bình đẳng trong việc sở hữu, sử dụng, thừa kế tài sản đối với các nhóm dễ bị tổn thương, đồng thời xây dựng cơ chế pháp lý đặc thù như thí điểm Viện Kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự bảo vệ quyền lợi nhóm này. Quyền tài sản được bảo vệ tốt sẽ giúp các nhóm dễ bị tổn thương tận dụng tốt hơn tài sản của mình, tạo dựng sự ổn định và phát triển cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế về hiệu lực thi hành, sự thiếu đồng bộ trong các quy định, bất cập trong tiếp cận pháp lý và nhận thức xã hội, thiếu các dịch vụ trợ giúp chuyên biệt, cũng như rào cản văn hóa – xã hội khiến quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương chưa được bảo vệ một cách toàn diện và hiệu quả. Từ đó, nghiên cứu khẳng định bảo vệ quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương không chỉ là vấn đề pháp lý mà còn là yêu cầu nhân văn, mang tính xã hội và phát triển bền vững. Việc hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế thực thi như tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội, đồng thời đẩy mạnh giáo

dục pháp luật và đào tạo cán bộ có vai trò quyết định trong việc bảo đảm quyền tài sản cho các nhóm dễ bị tổn thương, sẽ góp phần bảo đảm công bằng, nâng cao chất lượng cuộc sống, đồng thời thúc đẩy tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Từ những phân tích trên, đặt ra nhu cầu cần tiếp tục hoàn thiện chính sách và pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương với một số kiến nghị sau: (1) Cần nghiên cứu, bổ sung các quy định đồng bộ, rõ ràng và cụ thể hơn về bảo vệ quyền tài sản của từng nhóm dễ bị tổn thương trong Bộ luật Dân sự và các luật chuyên ngành; rà soát, hệ thống hóa các quy định về đại diện, giám hộ để đảm bảo tính nhất quán; (2) Về tổ chức thực hiện pháp luật, quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đặc biệt sau thời gian thí điểm theo Nghị quyết số 205/2025/QH15 (Quốc hội, 2025), nâng quyền khởi kiện vụ án dân sự công ích trong những trường hợp nhất định khi không có người khởi kiện cho Viện Kiểm sát nhân dân để bảo vệ quyền của nhóm dễ bị tổn thương bên cạnh việc xây

dựng quy trình giải quyết tranh chấp dân sự thân thiện, phù hợp với từng nhóm cụ thể; (3) Tăng cường cơ chế kiểm soát chặt chẽ hơn việc chuyển giao tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương, bảo đảm giao dịch được xác lập vì lợi ích của họ và có sự giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; (4) Về xã hội, cần tăng cường công tác truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng về sự cần thiết phải tôn trọng và bảo vệ quyền, quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương, sử dụng các nền tảng mạng xã hội để triển khai các chiến dịch về bảo vệ quyền cho phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và các nhóm dễ bị tổn thương khác, thực hiện giáo dục pháp luật tại cơ sở kết hợp tăng cường năng lực của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Người cao tuổi làm “điểm tựa” pháp lý tại địa phương.

Tóm lại, bảo vệ quyền tài sản của các nhóm dễ bị tổn thương là yếu tố tiên quyết để thực hiện các quyền cơ bản con người, xây dựng xã hội công bằng và phát triển bền vững, đồng thời củng cố niềm tin của mọi chủ thể vào công lý và pháp luật Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Tư pháp. (2018). *Sổ tay pháp lý các nhóm người dễ bị tổn thương*.  
 Bộ Tư pháp. (2023). *Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ quyền của người cao tuổi*.  
 Chính phủ. (2019). *Nghị định số 58/2019/NĐ-CP quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng*.  
 Chính phủ. (2022). *Nghị định số 28/2022/NĐ-CP quy định về chính sách tín dụng ưu đãi đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*.  
 Đỗ Mến. (29/05/2025). Viện Kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ nhóm dễ bị tổn thương. VnEconomy. Truy cập ngày 15/8/2025, từ <https://vneconomy.vn/vien-kiem-sat-nhan-dan-khoi-kiem-vu-an-dan-su-la-de-bao-ve-loi-ich-cong-va-nhom-de-bi-ton-thuong.htm>.  
 Đỗ Thị Thơm. (2020). *Thực hiện pháp luật về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đối với người dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam* [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Luật Hà Nội.

- Lê Xuân Trình. (2015). *Quyền của người dân tộc thiểu số tại Việt Nam theo quy định của luật pháp quốc tế và quốc gia* [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Luật Hà Nội.
- Nguyễn Phương Nhung. (2020). *Hoàn thiện pháp luật về quyền của người cao tuổi ở Việt Nam* [Luận án tiến sĩ]. Trường Đại học Luật Hà Nội.
- Nguyễn Thị Lan. (2014). *Chia tài sản chung của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2000* [Luận văn thạc sĩ]. Học viện Tư pháp.
- Nguyễn Văn Quyết & Phạm Anh Tuấn. (2012). *Nghiên cứu về nhóm xã hội dễ bị tổn thương tại Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Quốc hội. (2001). *Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10*.
- Quốc hội. (2005). *Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 (sửa đổi, bổ sung năm 2022)*.
- Quốc hội. (2006). *Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11*.
- Quốc hội. (2009). *Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12*.
- Quốc hội. (2010). *Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12*.
- Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*.
- Quốc hội. (2014a). *Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13*.
- Quốc hội. (2014b). *Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13*.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.
- Quốc hội. (2016). *Luật Trẻ em số 102/2016/QH13*.
- Quốc hội. (2017). *Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14*.
- Quốc hội. (2024). *Luật Đất đai số 31/2024/QH15* Quốc hội. (2025). *Nghị quyết số 205/2025/QH15 về thí điểm Viện Kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự*.
- Thu Hằng. (29/05/2025). *Thực trạng bảo vệ quyền lợi nhóm dễ bị tổn thương*. Báo Nhân Dân. Truy cập ngày 11/7/2025, từ <https://nhandan.vn/bao-dam-thong-nhat-trong-quy-dinh-cac-doi-tuong-thuoc-nhom-de-bi-ton-thuong-post883157.html>.
- Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ. (2024). *Bản án số 23/2024/NHGD-ST về ly hôn và chia tài sản chung*. Truy cập ngày 19/8/2025, từ <https://congly.vn/vu-an-ly-hon-chia-tai-san-bac-toan-bo-khang-cao-giu-nguyen-ban-an-so-tham-445858.html>.
- Tòa án nhân dân tối cao. (2023). *Án lệ số 67/2023/AL về tranh chấp tài sản chung quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất*. Truy cập ngày 21/8/2015, từ <https://tapchitoaan.vn/an-le-so-672023al-ve-nguoi-duoc-nhan-hien-vat-khi-chia-tai-san-chung9458.html>.
- UNESCO. (2015). *Vulnerable groups and access to rights and social services*.
- United Nations. (1948). *Universal Declaration of Human Rights*.
- United Nations. (1965). *International Convention on the Elimination of All Forms of Racial Discrimination (CERD)*.
- United Nations. (2006). *Convention on the Rights of Persons with Disabilities (CRPD)*.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. (2024). *Báo cáo kháng nghị vụ việc người mất năng lực hành vi dân sự bị lạm dụng giám hộ*. Truy cập ngày 21/8/2025, từ <https://vksdaklak.gov.vn/vien-kiem-sat-khang-nghi-vu-em-trai-loi-dung-anh-bi-tam-than-de-ban-dat-3563.html>.

**SOME PROPERTY RIGHTS OF VULNERABLE GROUPS  
UNDER VIETNAMESE CIVIL LAW – A COMPARISON WITH  
INTERNATIONAL STANDARDS**

***Phan Thi Cam Lai***

Dong Nai University

Email: phanngocan1008@gmail.com

(Received: 24/9/2025, Revised: 15/10/2025, Accepted for publication: 2/4/2026)

**ABSTRACT**

*Human rights are universally recognized values; however, certain social groups face a higher risk of rights violations due to their physical conditions or socio-economic circumstances. These groups are commonly referred to as vulnerable groups. Similar to fundamental rights, the rights of vulnerable groups have been acknowledged under both international law and the Vietnamese legal system, requiring the State and society to establish effective mechanisms for protection. Among these, the protection of property rights plays a crucial role in ensuring social justice and realizing human rights. This study analyzes the current legal framework on property rights in the 2015 Civil Code of Vietnam and relevant specialized laws, while also comparing them with international standards and practical implementation. Findings indicate that despite notable progress, Vietnamese law still presents shortcomings, particularly regarding guardianship mechanisms, inconsistencies across legal documents, and limitations in legal enforcement. Based on these findings, the study proposes legal reforms aimed at enhancing the effectiveness of property rights protection for vulnerable groups.*

**Keywords:** Vulnerable groups; Vietnamese civil law; human rights; property rights